TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẮC SƠN** **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số 32/2021/HNGĐ-ST
Ngày 26-11-2021
V/v xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC SƠN, TỈNH LẠNG SƠN

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Dương Thị Hiệt

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Dương Thị Hà.

Ông Hoàng Văn Ngọc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Lan Hương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Lương Thị Mai Quỳnh - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lạng Sơn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 90/2021/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2021 về vụ án ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2021/QĐXX-ST ngày 11 tháng 11 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Vi Thị M, sinh năm 1964.

Địa chỉ: Số 11 khối phố L, thị trấn B, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

2. Bị đơn: Ông Ngô Tiến T, sinh năm 1959.

Địa chỉ: Số 11 khối phố L, thị trấn B, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và biên bản lấy lời khai có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Vi Thị M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Vi Thị M và ông Ngô Tiến T trước khi kết hôn có được tìm hiểu và tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán của địa phương vào ngày 27/11/1987 nhưng không đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng chung sống hạnh phúc, bình thường. Đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân hai vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã nhau, không còn tình cảm. Đến năm 2018 cho đến nay thì ông Ngô Tiến T dọn ra ngoài ở một mình. Không còn chung sống với ba mẹ con. Nay không còn tình cảm, bà Vi Thị M yêu cầu ly hôn với ông Ngô Tiến T.

- Về con chung: Có hai người con chung tên là Ngô Tiến T1, sinh ngày 10/3/1990 và Ngô Phương T, sinh ngày 28/10/1998. Hiện nay các con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Hai vợ chồng đã tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

Tại biên bản lấy lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa ông Ngô Tiến T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Ngô Tiến T và bà Vi Thị M trước khi kết hôn có được tìm hiểu và tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán của địa phương vào ngày 27/11/1987 nhưng không đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc. Đến năm 2013 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau. Bà Vi Thị M cũng đã nhờ gia đình hai bên hòa giải nhưng không thành. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn, không có tiếng nói chung. Đến năm 2018 vợ chồng ông bà sống ly thân cho đến nay. Hiện nay ông Thịnh khác sống một mình, không còn chung sống với bà Vi Thị M. Nay bà Vi Thị M yêu cầu ly hôn nên ông Ngô Tiến T đồng ý.

- Về con chung: Có hai người con chung tên là Ngô Tiến T1, sinh ngày 10/3/1990 và Ngô Phương T, sinh ngày 28/10/1998. Hiện nay các con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Hai vợ chồng đã tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

Tòa án đã tiến hành xác minh với đại diện khối phố Lê Hồng Phong, thị trấn Bắc Sơn và cán bộ tư pháp thị trấn B, huyện B cung cấp thông tin: Bà Vi Thị M và ông Ngô Tiến T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại khối phố L, thị trấn B, huyện B. Qua rà soát sổ gốc cấp giấy chứng nhận kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Bắc Sơn không có trường hợp nào có bà Vi Thị M và ông Ngô Tiến T được ghi trong sổ đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống thời gian đầu sau khi kết hôn hạnh phúc, cuộc sống diễn ra bình thường. Nhưng từ năm 2018 tới nay, ông Ngô Tiến T không còn chung sống với bà Vi Thị M mà đi ở riêng tại nơi khác. Nay bà Vi Thị M và ông Ngô Tiến T yêu cầu được ly hôn, đại diện khối phố Lê Hồng Phong, thị trấn Bắc Sơn và cán bộ tư pháp thị trấn B, huyện B không có ý kiến gì và đề nghị giải quyết theo đúng quy định pháp luật.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ các bước về trình tự, thủ tục tố tụng từ khi nhận đơn khởi kiện cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án theo quy định tại Điều 48, 51 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án các đương sự đã chấp hành, thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, 71, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự như thực hiện quyền khởi kiện; nộp các tài liệu, chứng cứ chứng minh yêu cầu của mình; có mặt tham gia phiên tòa sơ thẩm.

Về việc giải quyết vụ án: Trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; qua tranh tụng tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Vi Thị M: Bà Vi Thị M và ông Ngô Tiến T tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1987 đến nay nhưng không đăng ký kết hôn nên theo quy định tại Điều 11 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 131 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì không công nhận bà Vi Thị M và ông Ngô Tiến T là vợ chồng. Về con chung: Có hai người con chung tên là Ngô Tiến T1, sinh ngày 10/3/1990 và Ngô Phương T, sinh ngày 28/10/1998. Hiện nay các cháu đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Về tài sản chung: Hai vợ chồng đã tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết và về nợ chung: Không có nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Về án phí: Buộc nguyên đơn bà Vi Thị M phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn bà Vi Thị M khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn. Vì vậy quan hệ pháp luật là "Ly hôn" theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn ông Ngô Tiến T có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở tại khối phố L, thị trấn B, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Do đó, căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành thu thập tài liệu chứng cứ, thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định pháp luật.

[2] Về quyền khởi kiện: Bà Vi Thị M và ông Ngô Tiến T chung sống với nhau như vợ chồng từ tháng 11 năm 1987 đến nay nhưng không đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn B, huyện B. Theo quy định tại khoản 1 Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; quan hệ hôn nhân được xác lập trước ngày luật này có hiệu lực pháp luật thì áp dụng Luật hôn nhân và gia đình tại thời điểm xác lập để giải quyết. Theo quy định tại Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 đều quy định việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện; bà Vi Thị M và ông Ngô Tiến T chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Mặt khác, căn cứ vào điểm b khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội quy định: "Nam và nữ chung sống với nhau như

vợ chồng từ ngày 03/01/1987 đến ngày 01/01/2001 mà có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này (Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000) thì có nghĩa vụ đăng ký kết hôn trong thời hạn hai năm, kể từ ngày Luật này có hiệu lực cho đến ngày 01/01/2003; trong thời hạn này mà họ không đăng ký kết hôn, nhưng có yêu cầu ly hôn thì Tòa án áp dụng các quy định về ly hôn của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 để giải quyết. Từ sau ngày 01/01/2003 mà họ không đăng ký kết hôn thì pháp luật không công nhận là vợ chồng". Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định trên và khoản 1 Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 không công nhận bà Vi Thị M và ông Ngô Tiến T là vợ chồng.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Vi Thị M và ông Ngô Tiến T đều trình bày trước khi kết hôn có được tìm hiểu và tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán của địa phương vào ngày 27/11/1987 nhưng không đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng chung sống hạnh phúc, bình thường. Đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân hai vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã nhau, không còn tình cảm. Đến năm 2018 cho đến nay thì ông Ngô Tiến T dọn ra ngoài sống một mình. Không còn chung sống với nhau. Nay không còn tình cảm, bà Vi Thị M và ông Ngô Tiến T đều nhất trí ly hôn.

[4] Về con chung: Có hai người con chung tên là Ngô Tiến T1, sinh ngày 10/3/1990 và Ngô Phương T, sinh ngày 28/10/1998. Hiện nay các con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Hai vợ chồng đã tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về nợ chung: Không có. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bà Vi Thị M phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng). Xác nhận bà Vi Thị M đã nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0002622 ngày 18 tháng 10 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Lạng Sơn.

[8] Xét thấy ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 11 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 131 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Vi Thị M và ông Ngô Tiến T là vợ chồng.

2. Về con chung: Có hai người con chung tên là Ngô Tiến T1, sinh ngày 10/3/1990 và Ngô Phương T, sinh ngày 28/10/1998. Hiện nay đã trưởng thành nên không xem xét.

3. Về tài sản chung: Hai vợ chồng đã tự thỏa thuận nên không xem xét.

4. Về nợ chung: Không có nên không xem xét.

5. Về án phí: Buộc bà Vi Thị M phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm để sung vào công quỹ Nhà nước. Xác nhận bà Vi Thị M đã nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0002622 ngày 18 tháng 10 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Lạng Sơn.

6. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm có mặt các đương sự, Tòa án báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện B; tỉnh Lạng Sơn;
- Chi cục THADS huyện B; tỉnh Lạng Sơn;
- UBND thị trấn B, huyện B, tỉnh Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Dương Thị Hiệt